

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Khóa IX) thông qua ngày 4 tháng 2 năm 1993.

Chủ tịch

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

LÊ ĐỨC ANH

PHÁP LỆNH Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật, góp phần phát triển sản xuất, bảo vệ sức khỏe nhân dân và môi trường sinh thái;

Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật quy định trong Pháp lệnh này gồm các biện pháp phòng và trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 2.- Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Tài nguyên thực vật** bao gồm thực vật có ích và sản phẩm thực vật có ích.

2. **Sinh vật gây hại** bao gồm sâu bệnh, cỏ, cây, chuột, chim và các nguyên nhân sinh học khác làm hại tài nguyên thực vật.

3. **Đối tượng kiểm dịch thực vật** là loại sinh vật gây hại tài nguyên thực vật phải được trừ diệt, không để lây lan.

4. **Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật** là thực vật, sản phẩm thực vật, phương tiện sản xuất, bảo quản, vận chuyển hoặc những hiện vật khác có khả năng mang đối tượng kiểm dịch thực vật.

5. **Chủ tài nguyên thực vật** là tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc trực tiếp quản lý tài nguyên thực vật đó.

6. **Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật** là tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc trực tiếp quản lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đó.

7. **Thuốc bảo vệ thực vật** là chế phẩm có nguồn gốc từ hóa chất, thực vật, động vật, vi sinh vật dùng để phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

8. **Giống cây** bao gồm hạt, củ, cây, bộ phận của cây hoặc các sinh chất khác dùng làm giống.

Điều 3.- Nhà nước thống nhất quản lý công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật; kết hợp giữa khoa học hiện đại với kinh nghiệm cổ truyền, bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội.

Nhà nước bảo đảm thực hiện các điều ước quốc tế về bảo vệ và kiểm dịch thực vật mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Điều 4.- Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư dưới nhiều hình thức trong việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật; sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam.

Điều 5.- Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân đều phải tuân theo pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng tài nguyên thực vật hoặc có hoạt động khác liên quan đến công tác bảo vệ và

kiểm dịch thực vật trên lãnh thổ Việt Nam thì phải tuân theo pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Điều 6.- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan Nhà nước khác, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 7.- Nghiêm cấm mọi hành vi gây hại tài nguyên thực vật, sức khỏe nhân dân và môi trường sinh thái.

Chương II

PHÒNG, TRỪ SINH VẬT GÂY HẠI TÀI NGUYÊN THỰC VẬT

Điều 8.- Công tác phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật bao gồm:

1. Điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo và thông báo thời gian phát sinh, mức độ gây hại của sinh vật gây hại;

2. Quyết định và hướng dẫn biện pháp phòng ngừa, trừ diệt sinh vật gây hại;

3. Hướng dẫn việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào việc phòng ngừa, trừ diệt sinh vật gây hại.

Điều 9.- Việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật phải thực hiện thường xuyên, theo từng mùa vụ, hàng năm hoặc nhiều năm trong sản xuất, phát triển và khai thác tài nguyên thực vật.

Điều 10.- Chủ tài nguyên thực vật có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Yêu cầu cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật thông báo về tình hình sinh vật gây hại trong vùng và biện pháp phòng, trừ;

2. Lựa chọn và áp dụng các biện pháp phòng, trừ phù hợp với lợi ích và khả năng của mình, trừ trường hợp cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật có thẩm quyền quyết định biện pháp khác để bảo vệ tài nguyên thực vật của cả vùng;

3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng, trừ sinh vật gây hại; phát hiện và thông báo với cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật về tình hình sinh vật gây hại tài nguyên thực vật của mình;

4. Áp dụng kịp thời các biện pháp phòng, trừ để ngăn ngừa sinh vật gây hại tài nguyên thực vật của mình và không để lây lan phá hoại tài nguyên thực vật của người khác.

Điều 11.- Khi có dấu hiệu sinh vật gây hại có khả năng phát triển thành dịch thì cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật các cấp phải nhanh chóng tiến hành xác định và hướng dẫn chủ tài nguyên thực vật thực hiện biện pháp phòng, trừ kịp thời.

1. Khi sinh vật gây hại phát triển với tốc độ nhanh, mật độ cao, trên phạm vi rộng, có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng tài nguyên thực vật, thì cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh báo cáo để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố dịch trong phạm vi địa phương mình và báo cáo Chính phủ. Trường hợp vùng dịch thuộc phạm vi từ hai tỉnh trở lên thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quyết định công bố dịch.

Khi có quyết định công bố dịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có dịch phải chỉ đạo các ngành, các cấp phối hợp với các tổ chức xã hội; huy động nhân dân trong vùng có dịch thực hiện ngay các biện pháp hữu hiệu để dập tắt dịch và ngăn ngừa dịch lây lan sang vùng khác. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm, mức độ lây lan của dịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân nơi có dịch báo cáo cấp trên trực tiếp để áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm dập tắt dịch.

2. Chủ tài nguyên thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan ở nơi có dịch phải thực hiện các biện pháp để dập tắt dịch, khắc phục hậu quả và phòng tránh dịch tái diễn.

3. Khi hết dịch, cơ quan nào quyết định công bố dịch thì cơ quan đó bãi bỏ quyết định công bố dịch.

Điều kiện, thể thức quyết định công bố dịch và bãi bỏ quyết định công bố dịch do Chính phủ quy định.

Điều 12.- Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân áp dụng những biện pháp bảo vệ thực vật gây nguy hiểm cho người, cho sinh vật có ích và hủy hoại môi trường sinh thái; để sinh vật gây hại lây lan thành dịch, hủy diệt tài nguyên thực vật trong khi còn có khả năng áp dụng các biện pháp ngăn chặn; đưa những sản phẩm thực vật có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt quá giới hạn cho phép vào lưu thông, sử dụng.

Chương III

KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 13.- Kiểm dịch thực vật bao gồm các biện pháp kiểm tra vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật, phát hiện và kết luận nhanh chóng, chính xác tình hình nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật của các vật thể đó; quyết định biện pháp xử lý thích hợp đối với vật thể nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật; giám sát, xác nhận việc thực hiện biện pháp xử lý; phổ biến, hướng dẫn thể lệ và biện pháp kiểm dịch thực vật; phương pháp phát hiện, nhận biết đối tượng kiểm dịch thực vật, nhằm tránh cho tài nguyên thực vật của Việt Nam khỏi bị nhiễm, lây lan của những loại sinh vật gây hại trước đây chưa có hoặc mới xuất hiện trên diện hẹp và ngăn chặn những loại sinh vật gây hại từ Việt Nam lọt ra nước ngoài.

Điều 14.- Trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm xác định và công bố danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật cần phải ngăn chặn không để xâm nhập vào Việt Nam hoặc lây lan giữa các vùng trong nước.

Những loại sinh vật gây hại không được để lọt ra nước ngoài được xác định trong các văn bản thỏa thuận, cam kết giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế hoặc theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Điều 15.- Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải theo dõi tình hình sinh vật gây hại ở vật thể của mình. Khi phát hiện hoặc nghi ngờ có đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đã công bố hoặc sinh vật gây hại lại, thì chủ vật thể phải báo ngay cho cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật nơi gần nhất.

Điều 16.- Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đã công bố, thì cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải quyết định các biện pháp để bao vây, tiêu diệt đối tượng đó và yêu cầu chủ vật thể phải thực hiện ngay biện pháp này.

Trường hợp đối tượng kiểm dịch thực vật lây lan thành dịch, thì cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải báo ngay với cơ quan có thẩm quyền để quyết định công bố dịch.

Thẩm quyền, điều kiện, thể thức quyết định công bố dịch, dập tắt dịch và bãi bỏ quyết định công bố dịch được áp dụng theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này.

Điều 17.- Tổ chức, cá nhân khi nhập khẩu, xuất khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải khai báo với cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của Việt Nam tại cửa khẩu biên giới đường bộ, đường xe lửa, đường sông, đường biển, đường hàng không, bưu điện và phải được cơ quan này kiểm tra, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

Chế độ kiểm dịch đối với việc nhập khẩu, xuất khẩu vật thể là giống cây, việc khai báo, việc tạm miễn kiểm dịch thực vật trong một số trường hợp do Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quy định.

Điều 18.- Tổ chức, cá nhân có vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khi xuất khẩu phải khai báo trước với cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật có thẩm quyền. Cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhận được giấy khai báo, tùy tình chất, số lượng, loại hàng hóa, mà quyết định và thông báo cho chủ hàng biết địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch.

Cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật chỉ cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với vật thể thuộc

diện kiểm dịch có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm. Trong trường hợp phát hiện vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật không đạt tiêu chuẩn, thì cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật không được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch, đồng thời yêu cầu chủ hàng thực hiện biện pháp xử lý.

Điều 19.- Tổ chức, cá nhân có vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khi nhập khẩu phải khai báo với cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật có thẩm quyền. Cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhận được giấy khai báo, tùy theo tính chất, số lượng, loại hàng hóa, mà quyết định và thông báo cho chủ hàng biết địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch.

Việc kiểm dịch phải được tiến hành ngay sau khi vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được đưa đến địa điểm theo quy định của cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật chỉ cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm. Trong trường hợp vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật không đủ tiêu chuẩn, thì không được phép nhập khẩu và tùy theo mức độ mà trả lại chủ hàng hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 20.- Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khi quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải được sự đồng ý của cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật có thẩm quyền và phải được áp dụng các biện pháp ngăn chặn sinh vật gây hại nguy hiểm từ vật thể đó lây lan vào Việt Nam. Trong trường hợp xảy ra lây lan, thì chủ vật thể phải báo ngay cho cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Việt Nam nơi gần nhất và phải thực hiện các biện pháp bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 21.- Trường hợp vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ nước ngoài mà bị rơi vãi, vứt bỏ, để lọt vào Việt Nam, thì chủ vật thể hoặc người phát hiện phải báo ngay cho cơ quan bảo vệ và

kiểm dịch thực vật của Việt Nam nơi gần nhất để xử lý.

Điều 22.- Khi làm nhiệm vụ kiểm dịch, viên chức phải mang sắc phục, phù hiệu, cấp hiệu và thẻ kiểm dịch viên theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

Điều 23.- Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải trả lệ phí kiểm dịch thực vật và chịu phí tổn theo quy định của Chính phủ.

Điều 24.- Nghiêm cấm việc đưa vào Việt Nam hoặc làm lây lan giữa các vùng trong nước đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đã công bố hoặc sinh vật gây hại nguy hiểm khác.

Chương IV

THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Điều 25.- Nhà nước thống nhất quản lý việc sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo quản, dự trữ, lưu thông và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật.

Nhà nước khuyến khích việc nghiên cứu, sản xuất, chế biến, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc từ thực vật, động vật, vi sinh vật và các biện pháp phòng, trừ tổng hợp sinh vật gây hại.

Điều 26.- Trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm xác định và công bố danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng; quy định việc khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục.

Điều 27.- Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thì được sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 28.- Việc sản xuất, dự trữ, bảo quản, lưu thông thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm an toàn cho người và môi trường sinh thái.

Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải đúng đối tượng, chủng loại, liều lượng, nồng độ quy định, đúng thời gian, thời hạn sử dụng và phạm vi cho phép.

Việc tiêu hủy hoạt chất và thuốc bảo vệ thực vật có độ độc cao, có thể gây nguy hiểm cho người, sinh vật có ích khác và gây ô nhiễm môi trường sinh thái phải được cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật tham gia, giám sát và xác nhận.

Trường hợp để hoạt chất hoặc thuốc bảo vệ thực vật rơi vãi, dò rỉ, thì người gây ra phải kịp thời áp dụng các biện pháp xử lý. Nếu gây ra hậu quả nghiêm trọng, thì người đó còn phải báo ngay cho cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc các cơ quan hữu quan biết để xử lý và phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 29. - Ở trung ương, lập quỹ dự trữ Nhà nước về thuốc bảo vệ thực vật.

Ở cấp tỉnh, lập quỹ dự trữ địa phương về thuốc bảo vệ thực vật.

Việc lập, chế độ quản lý, sử dụng quỹ dự trữ thuốc bảo vệ thực vật do Chính phủ quy định.

Điều 30. - Nghiêm cấm việc lưu thông và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục được phép sử dụng; sản xuất và buôn bán thuốc giả; lưu thông thuốc hết hạn sử dụng, thuốc không rõ nguồn gốc, thuốc không có nhãn hiệu hoặc quy cách, phẩm chất không đúng với nhãn hiệu đã đăng ký và giấy phép đã cấp.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 31. - Nội dung quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật bao gồm:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật trong phạm vi cả nước và ở từng địa phương;

2. Quy định và tổ chức thực hiện các chế độ, thể lệ về công tác bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật;

3. Theo dõi, phát hiện, xác minh sinh vật gây hại tài nguyên thực vật; chỉ đạo việc ngăn chặn, dập tắt dịch gây hại tài nguyên thực vật;

4. Kiểm dịch thực vật;

5. Kiểm định, kiểm nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

6. Cấp, thu hồi giấy chứng nhận hành nghề về bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật và khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; giấy phép, giấy chứng nhận về kiểm dịch thực vật;

7. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành chế độ, thể lệ về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật và xử lý các vi phạm chế độ, thể lệ đó;

8. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật;

9. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, vận động nhân dân hiểu và làm công tác bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật; tổ chức nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật;

10. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 32. - Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong phạm vi cả nước.

Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong phạm vi địa phương mình theo quy hoạch, kế hoạch, chế độ, thể lệ của Nhà nước.

Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm phối hợp với các cơ quan hữu quan giúp Chính phủ quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm do Chính phủ quy định.

Điều 33. - Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật.

Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của thanh tra chuyên ngành về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật do Chính phủ quy định.

Điều 34. - Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại với cơ quan thanh tra chuyên ngành về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc cơ quan quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp trên trực tiếp về kết luận và biện pháp xử lý khi thanh tra tại cơ sở mình.

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật những vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Cơ quan nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 35. - Tổ chức, cá nhân có thành tích bảo vệ tài nguyên thực vật, chống sinh vật gây hại hoặc có công phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 36. - Người nào có hành vi làm lây lan dịch bệnh gây hại tài nguyên thực vật; đưa vào Việt Nam hoặc làm lây lan đối tượng kiểm dịch thực vật; áp dụng những biện pháp bảo vệ thực vật gây nguy hiểm cho người, sinh vật có ích, hủy hoại môi trường sinh thái; sản xuất và buôn bán thuốc giả; lưu thông, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục được phép sử dụng; lưu thông thuốc kém phẩm chất, thuốc hết hạn sử dụng, thuốc không rõ nguồn gốc; giả mạo giấy phép, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, giấy chứng nhận

hành nghề về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và thuốc bảo vệ thực vật hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 37. - Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn trong việc cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về kiểm dịch thực vật, giấy chứng nhận hành nghề về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và thuốc bảo vệ thực vật trái quy định của pháp luật; thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; bao che cho người vi phạm hoặc vi phạm những quy định khác của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 38. - Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật mà gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 của Pháp lệnh này còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 39. - Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày công bố.

Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch
NÔNG ĐỨC MẠNH